*Phụ lục số 28*

Mẫu Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

*(Ban hành kèm theo Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)*

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

*Năm 2020*

1. Thông tin về quỹ
2. Tên của quỹ, loại hình quỹ : QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU VIỆT NAM CHỌN LỌC (VFMVSF)
3. Mục tiêu đầu tư của quỹ :

Mục tiêu của Quỹ VFMVSF là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quỹ VFMVSF được phép đầu tư vào các loại tài sản như sau: Tiển gửi tại ngân hàng thương mại, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu chính phủ, cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết của các doanh nghiệp, cổ phiếu chuẩn bị niêm yết của các tổ chức phát hành, chứng khoán phái sinh niêm yết và các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật. Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, và không giới hạn về thời hạn hoạt động.
2. Danh mục tham chiếu (nếu có) : không có danh mục tham chiếu
3. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Được quy định theo điều lệ quỹ. Theo đó, Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của Công ty quản lý quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm.

1. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2019 | 6,372,222.18 | ccq |
| Tổng số lượng chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ | 270,454,141.45 | ccq |
| Tổng số lượng chứng Quỹ mua lại trong kỳ | (747,177.10) | ccq |
| Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2020 | 276,079,186.53 | ccq |

1. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2019 của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc ngày 24/04/2020 thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (chi tiết theo file đính kèm).
2. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2019 của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc ngày 24/04/2020 thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đã thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2019, ngân sách, kế hoạch hoạt động, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật…(chi tiết theo file đính kèm)



1. Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở : Căn cứ vào thư xác nhận của Công ty quản lý quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty Quản lý Quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại điều 45 Thông tư 183/2011/TT-BTC về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.
2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

-Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất: Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ vào ngày 2/3/2018 theo giấy chứng nhận số 31/GCN-UBCK.

* Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu…) (*không nêu chi tiết cả danh mục* *theo mã chứng khoán*);

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31-12-20** | **31-12-19** | **31-12-18** |
|  |  |  |  |
| Danh mục chứng khoán | 92.89% | 96.22% | 96.89% |
| Tài sản khác | 7.11% | 3.78% | 3.11% |
|  |  |  |  |
| **Cộng** | **100%** | **100.00%** | **100.00%** |

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành** | **31/12/2020** | **31/12/2019** |
| 1 | Ngân Hàng | 23.1% | 16.1% |
| 2 | Bất Động Sản | 16.6% | 20.1% |
| 3 | Bán Lẻ | 15.9% | 18.2% |
| 4 | Thực Phẩm, Nước Giải Khát & Thuốc Lá | 6.4% | 9.9% |
| 5 | Hàng Hóa Công Nghiệp | 0.0% | 6.9% |
| 6 | Vận Tải | 7.4% | 4.8% |
| 7 | Phần Mềm & Dịch Vụ Phần Mềm | 8.6% | 7.4% |
| 8 | Tiện Ích Công Cộng | 0.0% | 2.9% |
| 9 | Vật Liệu | 12.9% | 4.5% |
| 10 | Năng Lượng | 0.0% | 3.9% |
| 11 | Dịch Vụ Tài Chính | 0.0% | 0.7% |
| 12 | Tiền | 7.0% | 3.4% |
| 13 | Dược Phẩm & Công Nghệ Sinh Học | 0.0% | 1.3% |
| 14 | Ô-tô & Phụ Tùng Ô-tô | 0.0% | 0.0% |
| 15 | Dịch Vụ Tiêu Dùng | 0.0% | 0.0% |
| 16 | Bảo Hiểm | 2.1% | 0.0% |
| 17 | Thiết Bị & Phần Cứng Công Nghệ | 0.0% | 0.0% |
| 18 | Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng | 0.0% | 0.0% |
|  | **Tổng** | **100%** | **100%** |

- Giá trị tài sản ròng của quỹ : 2,636,232,386,421 đồng.

- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là 9,548.82 đồng/ccq.

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo : 9,548.82 đồng

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo : 5,186.22 đồng

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi…) (giá trị thu nhập) như sau :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Số liệu** |
| 1 | Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) | 501,478,786,410 |
| 2 | Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, chứng chỉ tiền gửi, lãi suất tiền gửi) | 14,583,148,965 |
| 3 | Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu | 144,403,276,540 |
| 4 | Tổng chi phí | (14,805,241,449) |
| 5 | Lợi nhuận khác | - |
| 6 | Chi phí khác | - |
|  | **Tổng lợi nhuận của quỹ** | **645,659,970,466** |

* Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ : không có
* Thời điểm phân chia lợi nhuận : không có

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận : không có

* Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (*chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính*):
* Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình trong kỳ 2019(%): 3.68%
* Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình cùng kỳ 2020(%): 1.64%
  + Tốc độ vòng quay danh mục (*chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính*):
* Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình trong kỳ 2019: 31.69%
* Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình trong kỳ 2020: 224.08%

1. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:** | |
| (i)trong thời hạn 12 tháng (1 năm) | 645,659,970,466 |
| (ii)trong thời hạn 36 tháng (3 năm) (\*) | 222,777,797,153 |
| (iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm) (\*) | 222,777,797,153 |

(\*) Quỹ thành lập từ 2/3/2018

1. Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

* Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác : nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.
* Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập : Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm

1. Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.
2. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

1. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có) : không có
2. Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ) : không có
3. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị) : không có danh mục tham chiếu
4. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị) : không có danh mục tham chiếu
5. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ :

Chiến lược đầu tư của Quỹ kết hợp linh hoạt chiến lược đầu tư giá trị với đầu tư tăng trưởng. Quỹ sẽ theo đuổi chiến lược đầu tư dài hạn, tập trung phân tích các yếu tố cơ bản và giá trị doanh nghiệp.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty hiện đang và sắp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam có vốn hóa trung bình và lớn ở tất cả ngành nghề. Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội đầu tư đến từ xu hướng tăng trưởng dài hạn của cơ cấu dân số, quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế sang tư nhân và cổ phần hóa, và sự cải thiện về quản trị doanh nghiệp và quy định pháp lý minh bạch theo chuẩn mực quốc tế. Danh mục chứng khoán của quỹ có thể nắm tỷ lệ tập trung tại một số công ty ở một vài ngành nghề cụ thể.

1. Mô tả sự khác biệt về c/ơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo :

So với cùng kỳ năm 2019, cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ đã có một số thay đổi nhằm nắm bắt xu hướng biến động của thị trường. Về cơ cấu tài sản theo ngành (theo phân loại của GICS bậc 2), nhìn chung danh mục đầu tư của quỹ năm nay có sự tập trung vào 08 ngành nghề chính. Quỹ đã giảm tỷ trọng ngành Bất Động Sản; Bán Lẻ; Thực Phẩm, Nước Giải Khát & Thuốc Lá. Bên cạnh, đó quỹ tăng tỷ trọng ngành Ngân Hàng; Phần Mềm & Dịch Vụ Phần Mềm; Vận Tải; Vật Liệu và Bảo Hiểm.

1. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này so với tại kỳ báo cáo gần nhất:

Kết quả tính đến 31/12/2020, NAV/ccq của VSF đã tăng 18.13% so với đầu năm nhờ thị trường tăng trưởng tốt. Trong đó, những ngành có đóng góp tích cực là Vật Liệu (+125.3%), Ngân Hàng (+48.5%), Bảo Hiểm (+47.5%) và Vận Tải (+29.5%). Ngược lại, những ngành tăng trưởng không như kỳ vọng trong danh mục bao gồm Tiện ích Công Cộng (-23.3%).

1. Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap) :

Trong năm 2020, chỉ số VN-Index tăng 14.9% so với cuối năm 2019. Tổng giá trị vốn hóa của thị trường cổ phiếu năm 2020 đạt gần 230 tỷ USD (+ 61.4% YoY). Chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam có mức tăng 21.81%, chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa vừa (VNMid-cap) có mức tăng 36.26% và chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (VNSmall-cap) tăng 37.77%. Những ngành có tăng trưởng tốt nhất là Thiết Bị & Phần Cứng Công Nghệ (+281.7%), Vật Liệu (+93.1%) và Dịch Vụ Tài Chính (+90.5%). Ngược lại, ngành giảm điểm nhiều nhất là Dịch Vụ Tiêu Dùng (-25.2%).

1. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách) : không có
2. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có
3. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có); không có
4. Các thông tin khác (nếu có).
5. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát :

Thời gian giám sát hoạt động Quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (tiền thân là “Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam”) (“DCVFM”) trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu Tư cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF) tiền thân là Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch: trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ Đầu Tư cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF) tiền thân là Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

* + Theo Mục f, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại kỳ định giá ngày 05 tháng 02 năm 2020, từ kỳ định giá ngày 11 tháng 03 năm 2020 đến kỳ định giá ngày 20 tháng 05 năm 2020, tỷ lệ đầu tư vào các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật lần lượt chậm nhất vào ngày 05 tháng 05 năm 2020 và ngày 11 tháng 06 năm 2020 cho các kỳ phát sinh sai lệch ở trên.

Tại kỳ định giá ngày 12 tháng 02 năm 2020 và kỳ định giá ngày 27 tháng 05 năm 2020, Công ty Quản lý Quỹ đã điều chỉnh danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.

Từ kỳ định giá ngày 27 tháng 05 năm 2020 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Mục f, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

* + Theo Mục g, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ". Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian sớm nhất.

Tại ngày 16 tháng 06 năm 2020 và tại ngày 04 tháng 08 năm 2020, Quỹ đã nhận được tiền mua chứng chỉ Quỹ từ nhà đầu tư với tổng giá trị là 387.000.000.000 đồng và 1.050.000.000.000 đồng lần lượt cho kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ ngày 17 tháng 06 năm 2020 và ngày 05 tháng 08 năm 2020, dẫn đến tổng các khoản phải trả bao gồm khoản phải trả cho nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ở trên đã vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ tại kỳ định giá ngày 17 tháng 06 năm 2020 và kỳ định giá ngày 05 tháng 08 năm 2020.

Ngày 22 tháng 06 năm 2020 và ngày 05 tháng 08 năm 2020, Đại lý chuyển nhượng đã thực hiện phân bổ chứng chỉ quỹ đối với khoản tiền mua chứng chỉ Quỹ lần lượt cho kỳ giao dịch ngày 17 tháng 06 năm 2020 và kỳ giao dịch ngày 05 tháng 08 năm 2020. Do đó, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã

tuân thủ quy định tại Mục g, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ tương ứng tại kỳ định giá ngày 24 tháng 06 năm 2020 và kỳ định giá ngày 12 tháng 08 năm 2020.

Từ kỳ định giá ngày 12 tháng 08 năm 2020 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Mục g, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

c) Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch;

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ đã thực hiện:

* + Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: trong năm Quỹ phát hành thêm 270.454.141,45 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị theo mệnh giá là 2.704.541.414.500 đồng;
  + Mua lại chứng chỉ Quỹ: trong năm Quỹ mua lại 747.177,10 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 7.471.771.000 đồng.

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận của quỹ:

|  |  |
| --- | --- |
| Chỉ tiêu | Tỷ lệ so với lợi nhuận |
| Tỷ lệ chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng so với lợi nhuận | 0.02% |
| Tỷ lệ chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ so với lợi nhuận | 0.11% |

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ : Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể , hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Số liệu** |
| 1 | Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng | 132,000,000 |
| 2 | Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ | 706,738,698 |
|  | **Tổng cộng** | **838,738,698** |

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dư phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Phó tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ**  **Nguyễn Minh Đăng Khánh** |